

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**LÊ THỊ PHƯƠNG**

**ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN**  
**ĐỐI VỚI THƠ TẢN ĐÀ, TRẦN TUẤN KHẢI**

**Chuyên ngành : Văn học Việt Nam**  
**Mã số : 60.22.34**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HOÀNG ĐỨC KHOA**

Phản biện 1: **PGS. TS. NGUYỄN PHONG NAM**

Phản biện 2: **TS. HÀ NGỌC HOÀ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 8 năm 2011

*\* Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong dòng chảy của nền văn học Việt Nam, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu và Á Nam Trần Tuấn Khải là những nhà văn tạo bước đệm cho sự chuyển mình của văn học từ văn học trung đại sang văn học hiện đại.

Các sáng tác, đặc biệt là thơ ca của Tản Đà, Trần Tuấn Khải... từ lâu vốn đã là một mảnh đất màu mỡ hấp dẫn nhiều nhà nghiên cứu văn học chuyên nghiệp lẫn không chuyên với nhiều hướng tiếp cận, khai phá để khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật, từ đó đi đến những nhận định mang tính khái quát về vị trí của họ đối với nền văn học dân tộc. Nhưng có lẽ, cho tới nay, *tiếp cận thơ ca của Tản Đà, Trần Tuấn Khải theo hướng tìm ảnh hưởng của văn học dân gian còn là một vấn đề khá mới mẻ*. Thảng hoặc cũng có nhà nghiên cứu đã tìm hiểu ảnh hưởng của văn học dân gian đối với sáng tác của từng tác giả ở một vài bài báo... nhưng những công trình nghiên cứu chuyên sâu thì chưa có. Trong khi đó, khi đọc thơ ca của họ ta dễ dàng nhận ra *những dấu ấn khá đậm nét của văn học dân gian trên đề tài, chủ đề, hình tượng con người cũng như trên phương thức thể hiện, ngôn ngữ biểu đạt...*

Kế thừa những nghiên cứu về các tác giả Tản Đà, Trần Tuấn Khải, chúng tôi mong muốn sẽ góp một phần nhỏ vào việc khám phá những giá trị mà qua thơ, Tản Đà, Á Nam đã đóng góp cho nền văn học dân tộc.

Đó là những lí do chính để chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: *Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải*.

## 2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

**A Những vấn đề chung:** Nghiên cứu những ảnh hưởng của văn hóa nói chung, văn học dân gian đối với văn học viết nói riêng đã trở thành tâm điểm của các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn trong nhiều năm vừa qua. Sơ bộ, cho đến nay đã có một số công trình tiêu biểu như sau *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại* (Nxb KHXH, Hà Nội, 1974) của Hà Minh Đức. Bài báo “*Một số biểu tượng thơ dân gian trong thơ Việt Nam hiện đại*” (Tạp chí Văn học, số 3 – 2001) của Nguyễn Đức Hạnh, *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* (Nxb Giáo dục, 2008) của Trần Nho Thìn...

**b) Một số vấn đề cụ thể:** Khi nghiên cứu về thơ ca Tản Đà, bên cạnh việc khẳng định những giá trị về nội dung và hình thức thì hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng, thơ Tản Đà có âm hưởng của văn học dân gian mà tiêu biểu là các công trình: *Công của thi sĩ Tản Đà* của Xuân Diệu [8; 180], *Tản Đà khối mâu thuẫn lớn* [8; 361] của Tâm Dương, *Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu* [8; 429] của Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, *Những cái hay của thơ Tản Đà* [8; 144] của tác giả Trương Tửu, *Tính dân tộc và tính hiện đại, truyền thống và cách tân qua thơ Tản Đà* [8; 482] của Trần Ngọc Vương,... Qua các bài viết đó, các tác giả đã có những nhận định xác đáng về mối quan hệ của thơ Tản Đà với văn hóa, văn học dân gian.

Viết về Á Nam Trần Tuấn Khải tuy ít có những công trình mang tính chất chuyên luận về thơ ca và cuộc đời của tác giả này, nhưng ở các giáo trình đại học, các bài tìm hiểu về giai đoạn văn học nửa đầu thế kỉ XX... thì ý kiến về nhà thơ này cũng khá phong phú. Tiêu biểu là các cuốn: *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan, *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, *Văn học Việt Nam 1900 – 1945* của các tác giả Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu (Nxb

Giáo dục, 2003), hay cuốn “*Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 -1945*” của tác giả Mã Giang Lân ... Đặc biệt là bài viết mở đầu: “*Đọc thơ Á Nam Trần Tuấn Khải*” của Xuân Diệu trong cuốn *Tuyển tập thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải* (Nxb Văn học, 1984).

### **3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu**

- Từ kiến thức nền về văn học dân gian Việt Nam, mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, khi khảo sát thơ Tân Đà, Trần Tuấn Khải chúng tôi tìm và giải quyết các vấn đề mà văn học dân gian đã có ảnh hưởng, từ *đề tài, chủ đề, hình tượng con người, các biểu trưng biểu tượng cho đến thể loại, ngôn ngữ và hình ảnh...*

- Phạm vi khảo sát chủ yếu của luận văn:

+ *Tân Đà toàn tập*, tập 1 (Nguyễn Khắc Xương, sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, Nxb Văn học, Hà Nội, 2002)

+ *Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải* (Xuân Diệu giới thiệu, Lữ Huy Nguyên sưu tầm, tuyển chọn, Nxb Văn học, Hà Nội, 1984)

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp phân tích – tổng hợp*

- *Phương pháp so sánh – đối chiếu*

- *Phương pháp hệ thống - cấu trúc*

Ngoài ra, chúng tôi cũng sử dụng các phương pháp, các thao tác hỗ trợ khác như các phương pháp của thi pháp học, phương pháp tiếp cận văn học từ phương diện văn hóa...

### **5. Bố cục luận văn**

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, phần Nội dung của luận văn gồm ba chương:

+ Chương 1: Văn học dân gian và mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết

+ Chương 2: Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải qua hệ thống đề tài, chủ đề.

+ Chương 3: Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải qua thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh.

## **CHƯƠNG 1: VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HỌC DÂN GIAN VỚI VĂN HỌC VIẾT**

### **1.1. Khái quát về văn học dân gian**

*a)* Nói đến văn học dân gian là nói đến một thành tố cơ bản của văn hóa dân gian – cội nguồn của văn hóa dân tộc. Văn học dân gian là một hình thái ý thức xã hội. Văn học dân gian là một loại hình nghệ thuật của nhân dân lao động ra đời từ rất sớm, được truyền miệng từ đời này qua đời khác và có những mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động thực tiễn của con người, nó tồn tại và phát triển trong những sinh hoạt của tập thể, của cộng đồng.

*b)* Văn học dân gian là một hình thái ý thức xã hội phức tạp, ra đời từ thời nguyên thủy, do đó có thể thấy tính nguyên hợp trước hết được thể hiện ở tính chất nhiều chức năng của văn học dân gian – một hệ quả tất yếu của việc nhận thức nguyên hợp của nhân dân lao động. Tính nguyên hợp của văn học dân gian còn được thể hiện ở chỗ trong nội bộ nghệ thuật nguyên thủy còn chưa có sự phân hóa rõ rệt và sự phát triển độc lập của các loại hình nghệ thuật khác nhau.

*c)* Cũng như tính nguyên hợp và tính truyền miệng (sẽ trình bày ở phần sau), tính tập thể của văn học dân gian là một biểu hiện của mối quan hệ phụ thuộc của văn học dân gian và môi trường sinh hoạt của nó. Nói tới tính tập thể người ta thường hay nghĩ tới tính vô danh của tác phẩm văn học dân gian. Là hệ quả của phương thức truyền miệng, ứng tác là một hình thức đặc biệt trong nghệ thuật..

d) Phương thức sáng tác và tồn tại bằng truyền miệng là phương thức chủ yếu, và trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nó là phương thức duy nhất của văn học dân gian. Tính truyền miệng dẫn đến một hệ quả tất yếu là tính dị bản của tác phẩm văn học dân gian do thông qua hình thức ứng tác.

Văn học dân gian có ý nghĩa vô cùng to lớn, nó là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống của nhân dân lao động, được ghi lại những phương thức nghệ thuật độc đáo. Văn học dân gian là một trong những thành tựu văn hóa, thành tựu nghệ thuật quan trọng nhất làm cơ sở cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa và nghệ thuật của một quốc gia, dân tộc. Và trước hết nó là cơ sở, là cội nguồn, có tác động sâu sắc đến nền văn học thành văn - văn học bác học.

## **1.2. Mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết**

### **1.2.1. Sơ lược ảnh hưởng của văn học dân gian đối với các nhà văn trung đại**

Văn học dân gian là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn bao thế hệ con người Việt Nam. Trong những nhà thơ trung đại chịu ảnh hưởng của văn học dân gian phải kể đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Công Trứ, đặc biệt Ảnh hưởng qua lại giữa ca dao dân ca với tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Du rất sâu sắc và phong phú. Nguyễn Du từng viết như là một sự khẳng định:

*Thôn ca sơ học tang ma ngữ*

*Dã khóc thời văn chiến phạt thanh*

(Tiếng hát nơi thôn xóm giúp ta học những câu tả về nghề trồng dâu, trồng gai; tiếng khóc nơi đồng nội như nhắc lại thời chiến tranh)

Hai câu thơ vừa nói lên quan điểm của Nguyễn Du về văn học dân gian, vừa nói lên sự đồng cảm của nhà thơ đối với cuộc sống đau khổ của nhân dân.

Hồ Xuân Hương là một hiện tượng đặc biệt, một tài năng xuất sắc trong việc vận dụng một cách sáng tạo ngôn ngữ văn học dân gian.

Tóm lại, không một nhà thơ nào của văn học trung đại Việt Nam được coi là nhà thơ lớn lại không dùng những thi liệu của văn học dân gian, và bằng tài năng của mình, đến lượt những tác phẩm bất hủ của họ cũng lại có tác động trở lại đối với sự phát triển của văn học dân gian. Đây là mối quan hệ tương tác, song xét cho tới cùng thì các nhà văn của chúng ta “nhận” từ văn học dân gian nhiều hơn là họ “cho” văn học dân gian.

### ***1.2.2. Sơ lược ảnh hưởng của văn học dân gian đối với các nhà văn hiện đại***

Sang thời kỳ văn học hiện đại, văn học dân gian vẫn có những ảnh hưởng nhất định đến tư tưởng, tình cảm, cách thể hiện của các nhà văn hiện đại.

Phong trào Thơ mới (1932-1945), một trào lưu thơ được xem là có ảnh hưởng sâu đậm từ văn hóa và văn học phương tây, văn học Pháp, thì văn học dân gian vẫn ngấm ngấm xuyên thấm hồn thơ của nhiều các thi nhân như Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, đặc biệt là Nguyễn Bính...

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, mối liên hệ giữa văn học dân gian với các nhà văn hiện đại lại có những thay đổi mới. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Bác Hồ đã có những ý kiến chỉ đạo là kim chỉ nam cho các nhà văn cách mạng giúp họ tìm về với nhân dân, phục vụ nhân dân, tiếp thu từ nhân dân. Và để gần, hòa vào nhân dân, họ đã tìm về với văn hóa, văn học dân gian – những giá trị mà quần chúng nhân dân đã sáng tạo ra. Tiêu biểu có Tú Mỡ, Tô Hoài, Tố Hữu, Nguyễn Duy, Đồng Đức Bốn...



### **1.3. Thơ ca ba mươi đầu thế kỉ XX với văn học dân gian**

Nền văn học Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỉ là nền văn học giao thời: giai đoạn văn học được hiện đại hóa để chuyển giao từ phạm trù văn học trung đại sang phạm trù văn học hiện đại.

Nền văn học hình thành ba dòng chảy (văn học bác học, văn học thị dân, văn học dân gian) nhưng vẫn hòa làm một: dòng riêng của nguồn chung, đó là cội rễ của truyền thống văn học dân tộc.

Dòng văn học thứ hai - văn học thị dân là dòng văn học của một số nhà nho sinh nhai bằng nghề viết văn sống ở thành thị. Tiêu biểu cho dòng văn học này là các nhà văn Tản Đà, Đông Hồ, Tương Phố, Đoàn Như Khuê, Trần Tuấn Khải, Hoàng Ngọc Phách... Họ đã cố gắng dùng những thể thơ dân gian và dân tộc. Văn của họ giàu tính nhạc, xen lẫn với thơ, giàu cảm xúc. Các thi sĩ đua nhau viết những bài thơ, bài ca, thể thức dân gian như sa mạc, hát xẩm, những bài lục bát hay song thất lục bát... Có thể nói, *thơ của họ man mác một hồn thơ dân gian, một tình điệu Việt Nam.*

## **CHƯƠNG 2: ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN ĐỐI VỚI THƠ TẢN ĐÀ, Á NAM – TRẦN TUẤN KHẢI QUA HỆ THỐNG ĐỀ TÀI, CHỦ ĐỀ**

### **2.1. Đề tài, chủ đề về quê hương đất nước**

a) Từ xa xưa, làng quê đã trở thành dấu ấn sâu đậm về đất nước, về dân tộc. Không gian làng quê là một không gian gần gũi thân thuộc, nơi đó có hoa sen, bóng hạc, cánh diều, có tiếng chim hót vào lúc ban mai, có ruộng lúa, nương dâu, con đò, có dòng sông bên nước, có non xanh nước bạc, và đó còn có hội hè, lễ tết và các phong tục tập quán thuần chất Việt Nam: *“Làng anh có con sông êm / Cho em tắm mát những đêm mùa hè”* (Ca dao).

Trong thơ Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải, làng quê Việt Nam vẫn được cảm nhận từ những dáng vẻ cổ truyền của nó:

*Anh đi anh nhớ quê nhà  
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương  
Nhớ ai dãi nắng dầm sương  
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao*

(Trần Tuấn Khải, Phong dao)

Cũng có nhiều khi, cảnh sắc quê hương được cảm nhận trong dáng vẻ thi vị hóa bằng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ:

*Một dải trường giang nước uốn dòng  
Hai bên đường xóm chạy thong dong  
Bóng xe khách duỗi trên sông thoáng  
Ngọn sóng chèo khua mái cỏ rung*

(Trần Tuấn Khải, *Chiều qua sông Nhuệ*)

Những kí ức về dòng sông, ngọn núi quê hương cũng trở đi trở lại trong thơ Trần Tuấn Khải: “*Anh đi anh nhớ non côi / Nhớ sông Vị Thủy, nhớ người tình chung*” (Trần Tuấn Khải, Phong dao). “*Sông Vị mênh mông, ngọn nước tràn / Non côi man mác bóng mây tan*” (Trần Tuấn Khải, *Nhớ bạn*).

**b)** Quê hương, đất nước trong ca dao, dân ca thường được thể hiện qua những bài ca ngợi vẻ đẹp của phong cảnh đất nước, tự hào về cảnh vật của làng quê. Trong thơ của Tản Đà, Trần Tuấn Khải mỗi miền quê là một phần của tổ quốc: “*Ai xui ta nhớ Hàm Rồng / Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây / Từ ta trở lại Sơn Tây / Con đường Nam, Bắc ít ngày vắng lai / Sông cầu còn đổ chưa phai? / Non xanh còn đối, sông dài còn sâu*” (Tản Đà, *Nhớ cảnh cầu Hàm Rồng*).

Thi sĩ tt, Trần Tuấn Khải say đắm thưởng thức những sản vật của những làng quê mà các ông đã từng đi qua. Với Tản Đà, ăn đã trở thành một thú nghệ thuật:

*Hà tươi cửa biển Tu-Ran*  
*Long Xuyên chén mắm, Nghệ An chấm cà*  
*Sài Gòn nhớ vị cá Tra*  
*Cái xe song mã, chén trà Nhất tiên*  
*Đa tình con mắt Phú Yên*  
*Hữu tình rau bí ông quyền Thuận An(...)*  
 (Tản Đà, *Thú ăn chơi*)

c) Viết về quê hương đất nước, hai nhà thơ không chỉ vận dụng những biểu tượng quen thuộc của văn học dân gian để nói lên tình cảnh nước mất nhà tan như biểu tượng *con cuốc*, *bức dư đồ rách*, *hồn nước*, *nước non...* mà trên cơ sở đó các ông còn có cách biểu hiện riêng của mình và sáng tạo thêm những biểu tượng mới.

“*Non nước*” trở thành hình tượng mang tâm sự biểu trưng cho đất nước, dân tộc, nó thể hiện một “tư tưởng yêu nước” của Tản Đà và Trần Tuấn Khải: “*Nước non bao nặng lời thề / Nước đi đi mãi không về cùng non*” (Thề non nước)

d) Trong thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải, đất nước, dân tộc còn được cảm nhận và được thể hiện ở một phương diện khác: *Phương diện văn hóa, lịch sử*. Truyền thuyết mẹ Âu Cơ, cha Lạc Long Quân, “Con Rồng, cháu Tiên”, truyền thuyết về Mị Châu - Trọng Thủy, về thành Cổ Loa, những liệt nữ anh hùng của dân tộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu đã in đậm dấu ấn lên thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải: “*Một đôi kẻ Việt người Tàu / Nửa phần ân ái nửa phần oán thương / Vuốt rùa chàng đổi móng / Lông ngỗng thiếp đưa đường / Thề*

*nguyên phu phụ / Lòng nhi nữ / Việc quân vương / Duyên nợ tình kia  
dờ dờ dang” (Tản Đà, My Châu - Trọng Thủy).*

Tóm lại đất nước dân tộc là một đề tài lớn trong thơ Á Nam Trần Tuấn Khải và Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Quê hương đất nước không chỉ có vẻ đẹp sơn thủy hữu tình, những danh lam thắng cảnh, những sản vật của mỗi miền quê; đất nước còn hiện lên qua nỗi đau mất nước, qua những truyền thuyết của lịch sử dân tộc... Dù ở phương diện nào hai nhà thơ cũng mang nặng nỗi niềm yêu nước, tự hào về dân tộc, trăn trở lo âu cho vận mệnh của quốc gia.

## **2.2. Đề tài, chủ đề về tình yêu**

### **2.2.1. Đối với thơ của Tản Đà**

Tản Đà là một nhà thơ đa tình. Cái đa tình của Tản Đà trước hết được thể hiện ở những cuộc tình tự, du hí cùng người đẹp trong những thiên trường tượng với nàng Vân Anh, Chu Kiều Oanh, Tây Thi, Chiêu Quân, Hằng Nga... nhưng có thể nói sâu đậm nhất vẫn là ở những bài thơ tình của Tản Đà. Thi nhân nhìn cảnh, vật, người đều qua lăng kính phong tình ái ân. Nhà thơ cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi lối nói tình tứ, duyên dáng của ca dao, dân ca khiến cho những bài thơ của ông dù là viết về tình bạn hay tình yêu đều thấm đẫm chất duyên thầm mà văn học dân gian đã có.

Tản Đà không chỉ vận dụng văn học dân gian viết về tình yêu vào phong thi: *“Em về anh nắm lấy tay / Anh dặn câu này em chớ có quên / Con sông đã nặng lời thề / Đùng non tay lái cho thuyền lật ngang / Muốn sang khâm cổ mà sang”* (Phong dao), các thể thơ dân tộc mà còn cả ở thơ đường luật, làm cho thơ tình yêu của Tản Đà có những sáng tạo mới mẻ.

Từ hình thức đến nội dung, từ lối xưng hô *mình ta* quen thuộc cho đến các hình ảnh so sánh, ngôn ngữ của Tản Đà đã làm sống lại tình yêu của người bình dân.

### **2.2.2. Đối với thơ Trần Tuấn Khải**

Nhắc đến thơ Trần Tuấn Khải, có lẽ ít ai để ý đến tình yêu lứa đôi trong thơ ông bởi cái sở trường, cái tinh túy nhất Á Nam đã dồn vào những vần thơ yêu nước. Cũng như Tản Đà, Á Nam - Trần Tuấn Khải đã mượn cách thể hiện của văn học dân gian làm cho thơ tình yêu của ông mang âm hưởng của ca dao dân ca: “*Thấy xuân thêm nhớ đến người / Tiệm xuân xin gửi mấy lời nhắn ai / Đường xa năm cũng xa rồi / Hối lòng còn nhớ những lời hay quên*” (Nhấn xuân).

Á Nam Trần Tuấn Khải viết những câu phong dao về tình nghĩa vợ chồng để ngợi ca tình cảm sát son chung thủy này.

Không viết nhiều thơ tình như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu nhưng đọc thơ tình Á Nam Trần Tuấn Khải ta cũng bắt gặp những bài thơ tình hay không kém của nhà thơ núi Tản, Sông Đà.

## **2.3. Các đề tài, chủ đề khác**

### **2.3.1. Đề tài, chủ đề tình bạn**

Bên cạnh đề tài quê hương đất nước, tình yêu, đề tài tình bạn là một đề tài rất quen thuộc của thơ ca dân gian, thơ ca bác học trung đại

Là những người giàu tình cảm, giàu lòng thương yêu đối với con người, Tản Đà, Á Nam có nhiều vần thơ lai láng tình bạn. Đó là những tình tri âm, tri kỉ. Như đã nói, nhìn cuộc đời qua lăng kính ái ân phong tình, nên thơ Tản Đà cũng thi vị hóa tình bạn, biến “bạn” thành những người tình, dù đó chỉ là người bạn thơ, người đọc giả...

Cũng như văn học dân gian, khi viết thơ về tình bạn, Á Nam cũng hết lời ngợi ca tình bạn sát son, chung thủy, những tình bạn tri âm, tri kỉ, thế nhưng không như Tản Đà nhìn người bạn hóa tình

nhân, Á Nam nhìn bạn là bạn, nhà thơ luôn hướng lòng mình đến với những người bạn đang ở phương trời xa.

Có thể nói Tản Đà là nhà thơ của tình yêu thì Á Nam lại là nhà thơ của tình bạn. Nếu Tản Đà tình nhân hóa người bạn thì Á Nam lại đồng chí hóa tri âm. Những người bạn của Á Nam cùng thi nhân có chung chí hướng.

### **2.3.2. Đề tài, chủ đề người phụ nữ**

Trên cơ sở kế thừa đề tài của văn học dân gian và văn học viết, Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải đã có nhiều bài thơ ngợi ca, cảm thông, trân trọng người phụ nữ. Lấy cảm hứng từ những câu thơ dân gian, hình tượng người phụ nữ đã đi vào thơ hai ông như một ám ảnh không dứt.

Tản Đà và Á Nam cũng tiếp thu ý thơ dân gian, đồng thời sáng tạo thêm để hoàn chỉnh hình tượng người phụ nữ Việt Nam ở nhiều hình, nhiều vẻ. Ca ngợi tình yêu thủy chung sắt son của người phụ nữ là đặc điểm nổi bật trong thơ của hai ông. Thơ Tản Đà, Á Nam cũng là tiếng nói cảm thông cho số phận của những người phụ nữ, nhất là những người “tài hoa mà mệnh bạc”, là thứ đồ chơi của số mệnh, của con tạo hay ghen ghét.

Tuy nhiên, cũng như ca dao, thơ Tản Đà hay Á Nam cũng có những bài lên án những thói hư tật xấu của người phụ nữ, đặc biệt là những cô gái tham tiền lúc bấy giờ đã tạo nên cái mốt “lấy chồng tây”, Trần Tuấn Khải thì ý nhị hơn: khuyên nhủ cô bán nước để gửi một tâm sự thâm kín sâu xa hơn, lên án phường bán nước hại dân: “*Thế mà cô cậy cô khôn / Thừa cơ đem nước bán buôn kiếm lời! (...)/ Đùng đi bán nước mà rê riều đời / Hỡi cô hàng nước kia ơi*” (Trần Tuấn Khải, *Hỡi cô bán nước*).

Cả Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu lẫn Á Nam Trần Tuấn Khải tuy có những nét phong cách khác nhau nhưng ở những đề tài quen thuộc của văn học truyền thống, hai ông lại thường có những nét giống nhau, đó là tìm về với hình thức của thơ ca dân gian để thể hiện những cảm nhận về quê hương đất nước, về tình yêu, tình bạn, tình thương với những kiếp người tài hoa bạc mệnh....

### **CHƯƠNG 3 : ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN ĐỐI VỚI THƠ TẢN ĐÀ, TRẦN TUẤN KHẢI QUA THỂ LOẠI, NGÔN NGỮ, HÌNH ẢNH**

#### **3.1. Thể loại**

##### ***3.1.1. Thể loại và thể loại trong thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải***

Thể loại là toàn bộ những tác phẩm có chung những đặc tính về nội dung, giọng văn, phong cách, nó chính là dạng thức tồn tại chính thể của tác phẩm

Có ý kiến cho rằng sự xuất hiện của Tản Đà và Á Nam đã làm thay đổi nội dung thể hiện cũng như hình thức thơ ca Việt Nam trong buổi đầu của quá trình hiện đại hóa văn học, chỉ đến họ thì “thơ là thơ”: “*Nếu không phá cách vứt điệu luật / Khó cho thiên hạ đến bao giờ*” ( Tản Đà ).

##### ***3.1.2. Thể thơ lục bát***

Thơ lục bát là một thể thơ cổ truyền của dân tộc ta, được lưu truyền từ rất lâu đời trong dân gian, đây là thể thơ có nhịp điệu uyển chuyển, linh hoạt vô cùng, không có sự gò bó, không bị hạn chế về độ dài, ngắn trong tác phẩm (Số lượng cặp câu tùy thuộc vào tác giả). Thể lục bát rất có sở trường trong việc diễn tả cảm xúc vốn rất phong phú, thể hiện các nội dung hết sức đa dạng và hiện thực.

Thơ lục bát của Tản Đà, Trần Tuấn Khải là những bài phong thi mượt mà quyến rũ, mang âm điệu của ca dao thiết tha, thanh thoát. Chính vì thế những bài phong dao của Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải đã nhập vào kho tàng văn học dân gian trở thành những câu ca dao mà ai cũng nhớ, cũng thuộc. Phong dao của Tản Đà, Á Nam đã được dân gian hóa khá nhiều.

Khảo sát “Tản Đà toàn tập” (Tập 1- nhà xuất bản văn học, 2002) [35] và “Tuyển tập thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải” (nhà xuất bản văn học, 1984) [4] chúng tôi đã đưa ra được những số liệu như sau: Tản Đà có 100 bài lục bát (trong đó 49 bài thơ, 51 bài phong dao), Trần Tuấn Khải có 111 bài lục bát (trong đó có 10 bài thơ và 101 bài phong dao). Đó quả là những con số biết nói, nó cho thấy số lượng các bài thơ lục bát, bài phong dao lục bát của hai nhà thơ là một số lượng lớn. Điều này chứng tỏ, cả Tản Đà và Á Nam đã tìm về với hồn thơ dân tộc để giải bày tâm sự của mình, đó cũng là sự trở về với cội nguồn tâm hồn con người Việt Nam.

Tiếp thu lục bát ca dao, song Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải vẫn tạo nên được nét riêng trong lục bát của mình. Cái riêng đó chủ yếu được thể hiện ở cách kết hợp chất uyên bác và chất dân gian nhuần nhuyễn tinh tế, cũng như đã phủ vào lục bát những tình điệu mới mang cá tính sáng tạo của hai nhà thơ.

### **3.1.3. Thể thơ song thất lục bát**

Thơ song thất lục bát là một thể thơ kết hợp giữa thơ thất ngôn (7 từ) của Việt Nam với thể thơ song thất lục bát thành từng khổ một, hai câu thất rồi đến hai câu lục bát, nó tạo thành một thể gắn bó chặt chẽ với nhau cả về ý nghĩa lẫn âm thanh, số lượng khổ trong thể thơ không hạn định, ít nhất là một khổ. Thơ song thất lục





Á Nam Trần Tuấn Khải có tới 13 bài đặt theo tên câu hát vệt, 9 bài đặt theo tên ca lí mới, 7 bài xẩm và 12 bài hát nói tổng cộng 41 bài, những bài hay nhất là chùm thơ anh khóa, “Con hoàng oanh”, “Gánh nước đêm”...

Có thể nói chưa có một nhà thơ nào trong lịch sử văn học dân tộc lại vận dụng nhiều thể loại văn học dân gian vào trong sáng tác của mình như Nguyễn Khắc Hiếu và Trần Tuấn Khải, họ đã làm một cuộc tổng duyệt các thể loại văn học dân gian. Thơ Tản Đà, Á Nam đậm tính nhạc.

Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của các thể loại văn học dân gian và thơ Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải không chỉ là ở những thể loại văn học dân tộc như trên, ngay cả ở thể loại thơ Đường luật, nhất là các bài thơ dịch Đường thi của Tản Đà “chất” văn học dân gian đã “ngấm” vào rất sâu, nó làm mềm hóa, thanh thoát hóa những câu thơ vốn gò bó trong niêm luật của thơ Đường, làm cho thơ Đường gần gũi hơn với thơ ca dân gian Việt Nam mà nội dung bài thơ vẫn được giữ nguyên.

Tóm lại, ở thể loại nào các ông cũng có những thành tựu rất rực rỡ, có những sáng tạo bất ngờ, có khi từ cái nền văn học dân gian ấy đã “khai sinh” ra những thể loại mới: Thơ tự do.

*Cửa động*

*Đầu non*

*Đường lối cũ*

*Ngàn năm thơ thân bóng trăng chơi*

(Tản Đà, *Tổng biệt*)

### 3.2. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu cơ bản của văn học. Vì vậy, văn học được gọi là loại hình nghệ thuật của ngôn từ.

Tản Đà và Á Nam Trần Tuấn Khải là những cây bút sắc sảo và thành công trong việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc. Thơ họ đã dung nạp được khá tự nhiên vốn từ vựng thuần Việt, tiếp biến sinh động hầu hết các biện pháp tu từ thường thấy sử dụng trong ngôn ngữ văn học dân gian, đặc biệt là họ đã xây dựng được hệ thống hình ảnh tạo nên chủ đề xuyên suốt trong tác phẩm thơ. Đồng thời, họ cũng rất thích sử dụng các đại từ, cụm từ mà ca dao rất hay sử dụng. Điều đó đã đem lại một hiệu quả bất ngờ: làm cho thơ ca của họ gần hơn với văn học dân gian, dễ hòa vào tâm hồn của quần chúng nhân dân và vì thế sức phổ biến của nó rộng khắp hơn rất nhiều.

#### 3.2.1. Sử dụng ngôn ngữ dân gian

Ngôn ngữ thơ ca Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải không quá ước lệ, tượng trưng như văn học trung đại, cũng không quá trau chuốt hoa mỹ như trong thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử... mà nó gần gũi với ngôn ngữ của ca dao, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân lao động, hệ thống ngôn ngữ của họ rất bình dị nhưng lại rất duyên dáng, “đặc biệt An Nam”. Chất Việt Nam thấm đẫm trong từng trang thơ, câu chữ: “*Nhớ ai cành khế ngọn đào / Nhớ ai mấy sớm, mưa chiều đầu xa / Làn cây khuất bóng trăng tà / Đêm thu một khắc quan hà mấy mươi / Nhớ ai đất khách quê người / Nhớ ai góc bể, chân trời bơ vơ*” (Tản Đà, *Nhớ ai*).

Tất cả là những từ thông dụng, là khẩu ngữ, lời nói tự nhiên, những từ ngữ trong đời sống được đưa vào làm cho câu thơ, lời hát có sắc thái ca dao, dân ca nôm na mộc mạc, trần trụi và rất thực

### 3.2.2. *Dùng những từ, cụm từ quen thuộc của thơ ca dân gian: “mình” - “ta”, “ai”, “thương ai”, “nhớ ai”*

Thơ Tản Đà, Á Nam thường dùng lối xưng hô gần gũi, thân mật, dễ nhớ, nhất là dùng các cặp từ “mình”- “ta”, “ai”. Chúng được dùng ở nhiều ngôi số khác nhau. Bên cạnh đó các nhà thơ còn dùng những từ trữ tình gọi lên nỗi nhớ thương như: ‘nhớ mình”, “nhớ ai”, “thương ai”; lời hô gọi thắm thiết như “mình ơi”, “ai ơi”, “anh ơi”... Khi sử dụng các từ “mình”, “ta”, “ai”, hai thi nhân luôn có cách biến hóa để chúng phù hợp với nội dung, tư tưởng bài thơ.

Trong thơ Tản Đà cặp đại từ “mình” – “ta” lặp đi lặp lại khá nhiều, có những bài thơ nó xuất hiện trùng điệp như bài *“Thư lại trách người tình nhân không quen biết”*.

Nhưng có lẽ xuyên suốt toàn bộ thơ ca Á Nam Trần Tuấn Khải, Tản Đà là sự có mặt một cách dày đặc của đại từ “ai”. “Ai”, rồi “nhớ ai”, “thương ai”, “trách ai”, “mà ai”... lặp đi lặp lại rất nhiều ở hầu khắp các bài thơ kể cả thơ Đường, phong dao cho đến các bài ở thể hát.

“Ai” là một đại từ phiếm chỉ vừa dùng để làm từ hỏi, vừa dùng để chỉ những đối tượng không xác định, có khi dùng để chỉ bản thân người nói. Cũng như ca dao, Tản Đà, Trần Tuấn Khải sử dụng từ “ai” với rất nhiều ý nghĩa, rất nhiều biểu hiện. “Ai” là chủ, “ai” cũng là khách, “ai” là một nghi vấn, “ai” cũng để biểu đạt sắc thái mơ hồ trong cảm xúc. Họ “nghiện” từ “ai” đến mức khi đọc thơ ca của họ ta không khỏi bị ám ảnh: “ai” sao mà nhiều thế.

Khảo sát “Tản Đà toàn tập” [35], “Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải” [4] chúng tôi nhận thấy, Tản Đà đã dùng trên 374 lần từ “ai”, Á Nam cũng dùng tới trên 336 lần.

### 3.2.3. *Nghệ thuật sử dụng âm thanh và các biện pháp tu từ*

Khi vận dụng ngôn ngữ của văn học dân gian trong thơ ca của mình, Tản Đà và Trần Tuấn Khải không chỉ tập trung đến việc sử dụng những từ ngữ gần gũi, quen thuộc với lời ăn tiếng nói của quần chúng nhân dân mà họ còn chú ý đến khả năng gợi tả của âm thanh tiếng Việt. Tản Đà, Á Nam cũng chú ý đến nhạc tính của ngôn ngữ dân gian: “*Con sông xuôi nước chảy lờ đờ - Thuyền trôi lững lững trắng tờ mờ soi*” (Tản Đà, *Đò đưa*).

Á Nam lại tạo dấu ấn cho ta về bức tranh cô gái gánh nước đêm bằng một thứ ngôn ngữ vô cùng sáng tạo trong những hình thức câu thơ đôi khi không tuân theo một điệu luật nào, rất phong khoáng, tự do:

*Em bước chân ra  
Con đường xa tít  
Con sông mù mịt  
Bên vai kiu kịt  
Nặng gánh em trở ra về  
Ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya*  
(Trần Tuấn Khải, *Gánh nước đêm*)

Bên cạnh việc vận dụng điều luyện khả năng gợi tả của âm thanh tiếng Việt, Tản Đà, Trần Tuấn Khải cũng rất khéo léo trong việc dùng các thủ pháp nghệ thuật như lối dùng hư từ, điệp ngữ, nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, ngoa dụ, phóng dụ... Các biện pháp nghệ thuật đó đã làm cho thơ Tản Đà, Á Nam thêm phần uyển chuyển, đậm đà thi vị, giàu sắc thái ý nghĩa.

### 3.3. Hình ảnh và biểu tượng

#### 3.3.1. Những hình ảnh, biểu tượng quen thuộc

Vận dụng ngôn ngữ dân gian vào thơ mình, Tản Đà, Trần Tuấn Khải đã thu được những kết quả nhất định. Trong thơ, Tản Đà, Á Nam đã tạo được một hệ thống hình ảnh lấy từ kho tàng văn học dân gian như: chiếc điều đứt dây, thuyền quyên, huê nguyệt, quân tử, rông mây, hoa sen, chị hàng cau, con cò, cây cau, miếng trầu, con thuyền, bến nước, dưa cà...

Những hình ảnh ấy là những hình ảnh đặc trưng của nông thôn Việt Nam với không, thời gian quen thuộc của họ. Những hình ảnh dân gian đậm đặc đó đã làm cho tâm hồn người đọc phong phú thêm về những tri thức và sinh hoạt của nhân dân các vùng miền trên tổ quốc thân yêu cũng như bồi đắp cho họ những tình cảm gắn bó với quê hương xứ sở.

#### 3.3.2. Hình ảnh, biểu tượng trung tâm – “non nước” (núi sông)

Từ bao đời nay “núi sông”, “non nước” đã trở thành biểu tượng thiêng liêng về quê hương, về tổ quốc. Cũng giống như từ “ai”, hình ảnh “non nước” cứ trở đi trở lại trong thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải, làm cho thơ của họ là những vần thơ non nước. Trong bất cứ thể loại nào, tần số xuất hiện của cặp hình ảnh này đều dày đặc, trùng điệp, tầng tầng lớp lớp. Có thể nói, đọc hết thơ ca Tản Đà, Trần Tuấn Khải, ít thấy có bài nào lại không có hình ảnh “non nước”. Theo khảo sát của chúng tôi, thì thơ Tản Đà có trên 64 cặp từ “non nước”, thơ Trần Tuấn Khải có trên 68 bài có chứa cặp từ này với các cách sử dụng khác nhau hết sức linh hoạt, mang cá tính sáng tạo của nhà thơ. Sự trở đi trở lại của những hình ảnh đó đã tạo thành hình tượng “non nước”, biểu trưng cho đất nước, ý thức tinh thần dân tộc.

Có một điều đáng chú ý trong nghệ thuật thể hiện hình ảnh “non nước” của Tản Đà, Trần Tuấn Khải là khi đất nước trọn vẹn, bình yên, gắn kết bền vững thì hai hình ảnh này đi liền thành cặp, nhưng khi đất nước được thể hiện trong khổ đau, chia lìa, bị giày xéo thì “non”, “nước” thường đứng tách ra, xen kẽ nhau, hoặc đầu câu, cuối câu... Đặc biệt, trong bài thơ *Thề non nước*, hình ảnh “non nước” xuất hiện với tần số cao nhất, tiêu biểu nhất cho cách dùng hình ảnh “non nước”, nó thể hiện được nhiều ý nghĩa nhất

Tản Đà, Trần Tuấn Khải đã có công rất lớn khi đã làm phong phú thêm ý nghĩa cho hình ảnh “non nước” của văn học dân gian.

## KẾT LUẬN

Là những nhà thơ có vị trí đặc biệt trong dòng chảy của văn học dân tộc, Tản Đà, Trần Tuấn Khải vừa kế thừa truyền thống, vừa mang đến cho thơ ca một điệu tâm hồn mới mẻ. Thơ ca Tản Đà, Á Nam bàng bạc màu sắc dân gian, màu sắc của ca dao huyền thoại, đồng thời cũng phảng phất không khí thời đại. Gorki đã từng nói: “Nhà văn không biết đến văn học dân gian là một nhà văn tồi” bởi đơn giản không thể có những “đứa con tinh thần” hoàn hảo nếu nó tách khỏi “dòng sữa ngọt ngào” của truyền thống nhân dân. Và lịch sử văn học trong nước và thế giới đã để lại một bài học chân lí rằng không có một tác phẩm vĩ đại nào lại không bắt nguồn từ kho tàng quý báu của các sáng tác tập thể trong dân gian, rằng Huy-gô, Baudard, L.Tôn-xtôi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Tố Hữu... đã không thực sự vĩ đại nếu họ không có yếu tố thứ nhất: am hiểu và tiếp thu vốn văn hóa, văn học dân tộc mình. Tản Đà, Trần Tuấn Khải chưa là vĩ đại, song những gì mà hai ông để lại cho văn học nước nhà cũng đủ

để khẳng định sức sống bền vững của tên tuổi hai ông. Có thể nói, họ khẳng định được vị trí đó của mình vì trước hết họ là những nhà văn “sở hữu” một cách hoàn hảo yếu tố thứ nhất của những con người vĩ đại.

Là một công trình nghiên cứu “Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải”, chúng tôi đã cố gắng để làm rõ những nét tương đồng cũng như những khác biệt của hai thi nhân cùng một thời đại trong việc vận dụng những thi liệu của văn học dân gian vào thơ ca của mình. Song những gì đạt được từ luận văn này chúng tôi thiết nghĩ mới chỉ là những kết quả bước đầu, hướng nghiên cứu còn mở ra những khả năng lớn để có thể có những trái quả chín hơn, to hơn cho người đi sau kế tiếp. Trong khuôn khổ có hạn của luận văn chúng tôi đã cơ bản làm nổi bật những ảnh hưởng của văn học dân gian đối với thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải trên hai phương diện lớn: nội dung trữ tình và hình thức nghệ thuật. Tất nhiên giữa hai phương diện này luôn có mối tương quan với nhau, không thể tách cái này ra khỏi cái kia, sự phân chia chỉ có ý nghĩa tương đối. Trên cả hai phương diện chúng ta dễ dàng nhận thấy vẻ đẹp của những câu ca dao, những bài hát dân gian, tục ngữ, thành ngữ... qua tài năng nghệ thuật điêu luyện của Tản Đà, Trần Tuấn Khải đã làm lấp lánh cho những vần thơ của họ.

Dựa trên những tiền đề lí luận kế thừa của những nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi đã cố gắng phác thảo lên diện mạo ảnh hưởng của văn học dân gian đối với thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải. Trên phương diện nội dung trữ tình, chúng tôi tập trung khảo sát về đề tài, chủ đề với các nội dung cụ thể: đề tài quê hương đất nước, đề tài tình yêu, tình bạn, phụ nữ... Thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải thấm đượm tình yêu tổ quốc, nồng nàn hơi thở tình yêu của người bình dân, tình cảm nhân đạo truyền thống dân tộc. Kế thừa và vận dụng văn học



dân gian vào trong thơ của mình song không phải hai nhà thơ đều trùng khít lên nhau. Viết về đất nước Tản Đà say sưa ngợi ca sản vật của các vùng miền, Trần Tuấn Khải lại lo âu, đau đớn về tình hình đất nước nhưng không vì thế mà ông quên du hí non sông. Tình yêu trong thơ Tản Đà là tình ái bởi ông luôn nhìn đời nhìn người bằng con mắt ái ân phong tình, tình yêu trong thơ Trần Tuấn Khải lại nghiêng về tình cảm vợ chồng trong hôn nhân bởi ông là nhà thơ của đạo nghĩa truyền thống. Dù thế nào thì nỗi nhớ, tương tư cũng là cảm xúc chủ đạo của những người đang yêu trong thơ của họ cũng như thơ ca dân gian.

Trên phương diện nghệ thuật, chúng tôi tập trung khảo sát trên ba vấn đề chính: thể loại, ngôn ngữ và hình ảnh. Về thể loại, Tản Đà, Trần Tuấn Khải đã làm một cuộc tổng duyệt về các thể loại của văn học dân gian. Ở thể loại nào các ông cũng vận dụng thành công vào trong thơ mình, không những thế còn có những cách tân đáng trân trọng. Trong đó các thể hát là phần tinh túy nhất, tập trung những nét tài hoa của hai nghệ sĩ. Tản Đà say hát nói, hát xẩm; Trần Tuấn Khải say “hát vặt”. Chùm thơ ba bài làm theo thể “hát vặt” về anh Khóa của Á Nam; các bài hát nói của Tản Đà làm cho người đọc bao thế hệ vô cùng thích thú và kinh ngạc. Đặc biệt, phong dao của Tản Đà, Trần Tuấn Khải chẳng khác gì ca dao cổ truyền, đến mức nhà nghiên cứu tài ba Vũ Ngọc Phan cũng không ít lần sưu tầm phong dao của Tản Đà, Trần Tuấn Khải vào trong “Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam”- một công trình sưu tầm, khảo cứu về văn học dân gian của ông.

Ngôn ngữ thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải về cơ bản là ngôn ngữ dân gian, là lời ăn tiếng nói của quần chúng nhân dân lao động. Cái tinh hoa trong ngôn ngữ của Tản Đà, Trần Tuấn Khải là hai ông

đã vận dụng được những khả năng đặc biệt của âm thanh, thủ pháp nghệ thuật trong tiếng Việt, lối lặp từ “ai” và biến hóa trong cách dùng hình ảnh “non nước”. Những hình ảnh quen thuộc của văn học dân gian cũng như hình ảnh trung tâm “non nước” không chỉ thể hiện tình yêu, sự gắn bó của hai nhà thơ với quê hương xứ sở mà còn thể hiện được tài năng bậc thầy trong việc tiếp thu hình ảnh, biểu tượng của văn học dân gian vào thơ ca của họ.

Nói tóm lại, Tản Đà, Trần Tuấn Khải am hiểu sâu sắc văn học dân gian, tiếp thu văn học dân gian nhưng đồng thời cũng làm đẹp thêm, phong phú thêm cho nguồn thi liệu vô cùng quý giá của dân tộc.

Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với các thế hệ nhà thơ là một cuộc chạy tiếp sức không ngừng nghỉ trong văn học dân tộc. Trước thế kỉ XX đã có Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu... là những người vận dụng thành công văn học dân gian vào các tác phẩm của mình. Như vậy, con đường tìm về với mảnh đất nghệ thuật của quần chúng lao động, tìm về với nguồn thi liệu văn học dân gian là con đường chung của các nghệ sĩ ưu tú, trong đó có Tản Đà, Trần Tuấn Khải.